



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Gạch ngói Nhị Hiệp

Ngày 30/06/2025	18,100 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	0.6%	-	-

DT thuần Q2/25
26.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 7.40 40.0%
YoY: ▲ 14.9 135%

LN thuần Q2/25
1.40
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.02 268%
YoY: ▲ 1.70 566%

LN sau thuế Q2/25
0.87
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.87
YoY: ▲ 0.66 315%

Tỷ suất lãi EBIT Q2/25
5.3%
YoY: +/-▲ 5.3%

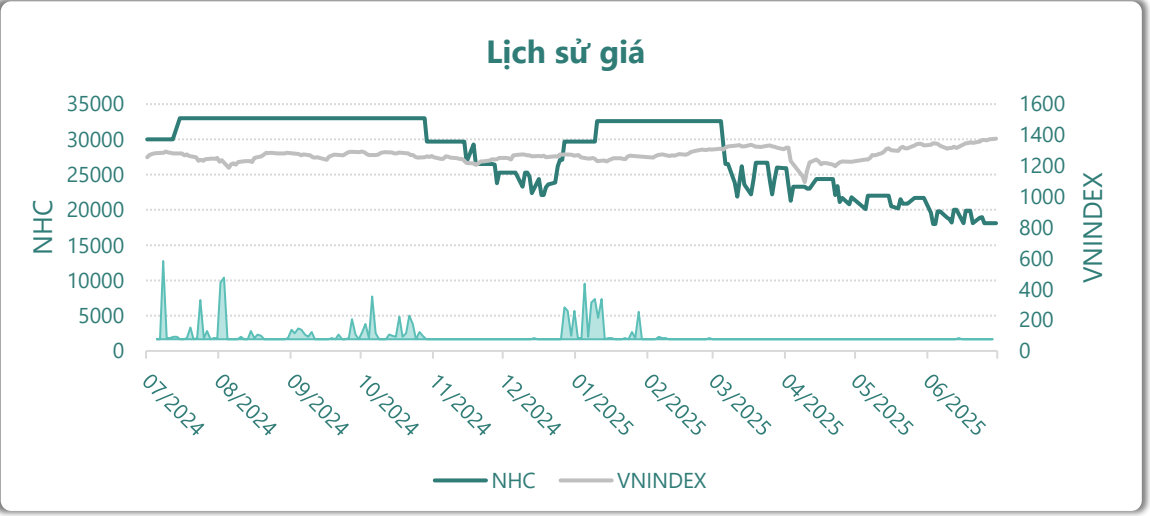
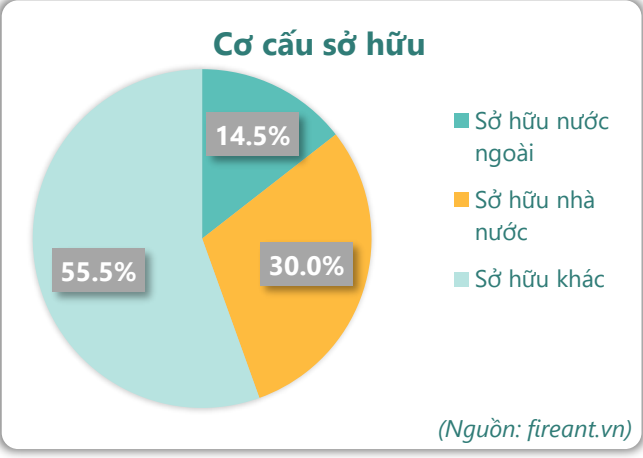
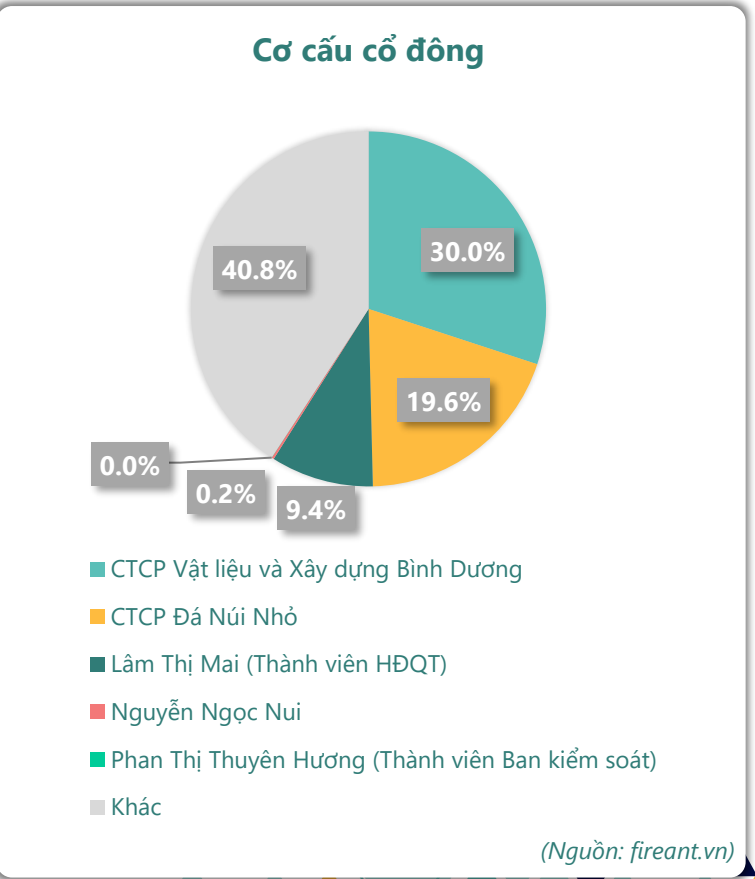
ROE (TTM) Q2/25
2.0%
YoY: +/-▲ 1.2%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	18,000 - 33,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	55
Số lượng CPLH (CP)	3,041,542
KLGD BQ 20 phiên (CP)	875
Sở hữu nước ngoài	14.5%
Beta	0.09
EPS	356
P/E	50.9

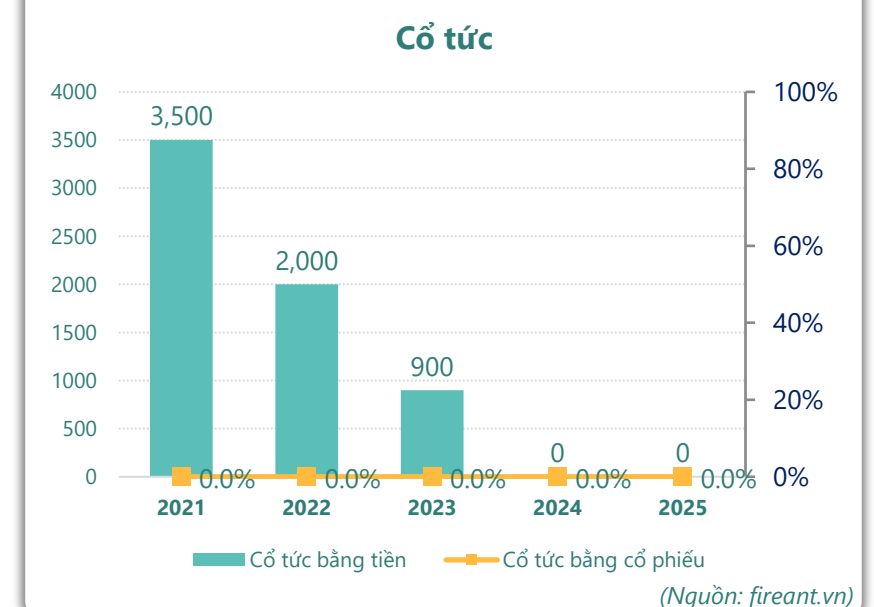
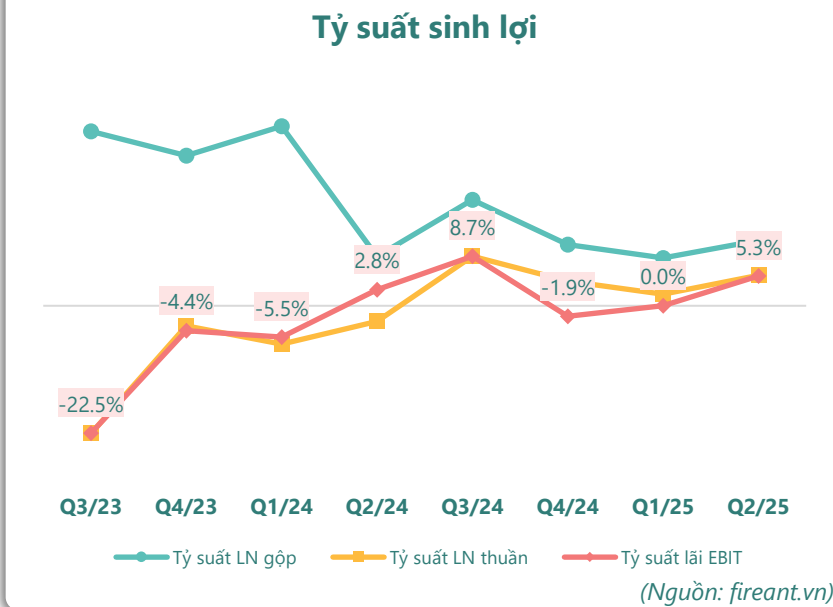
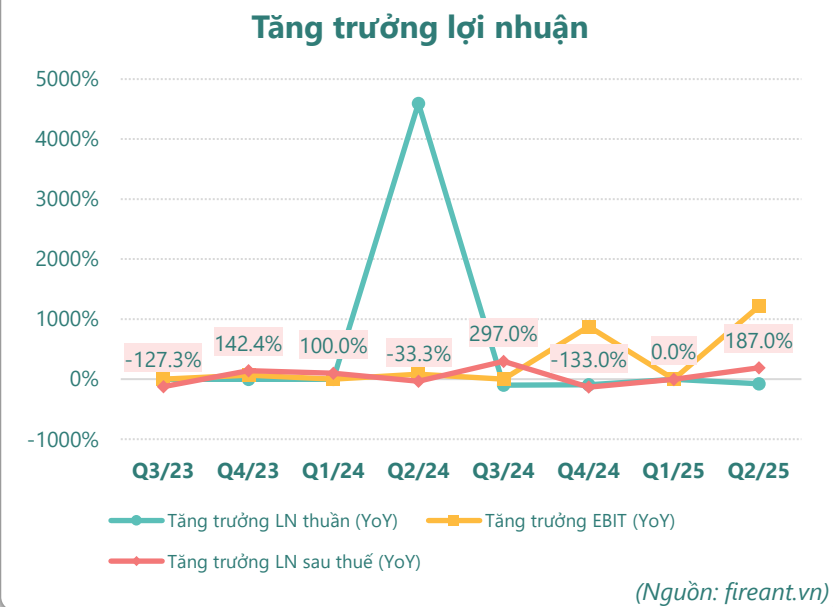
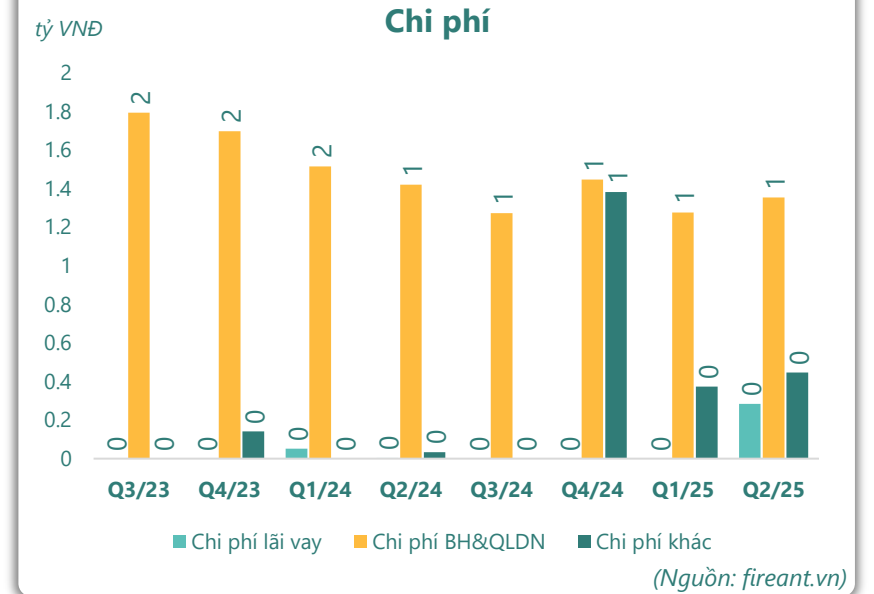
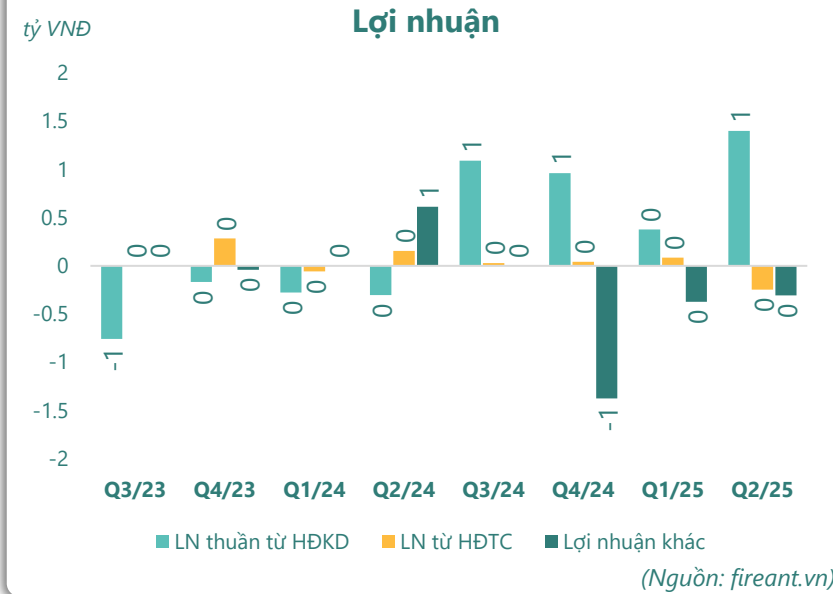
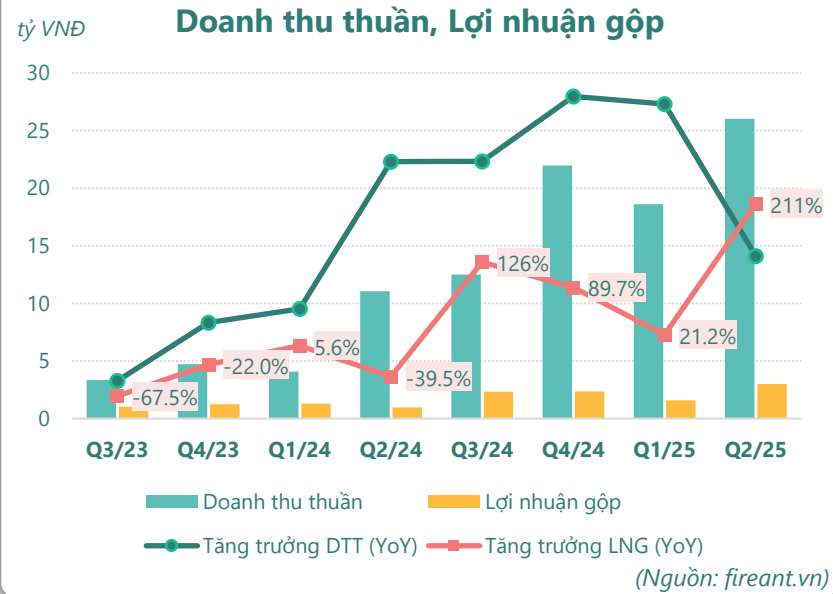
DT thuần 6T 2025
44.7
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 29.5 195%

LN thuần 6T 2025
1.78
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 2.36 406%

LN sau thuế 6T 2025
0.87
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.03 652%



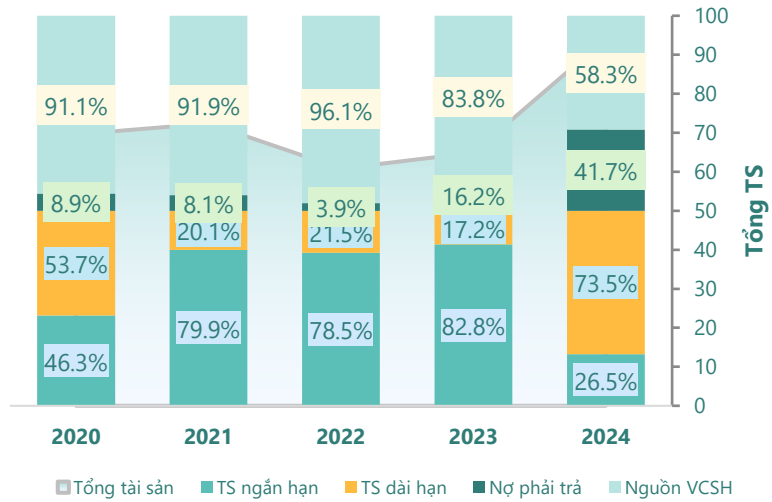
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

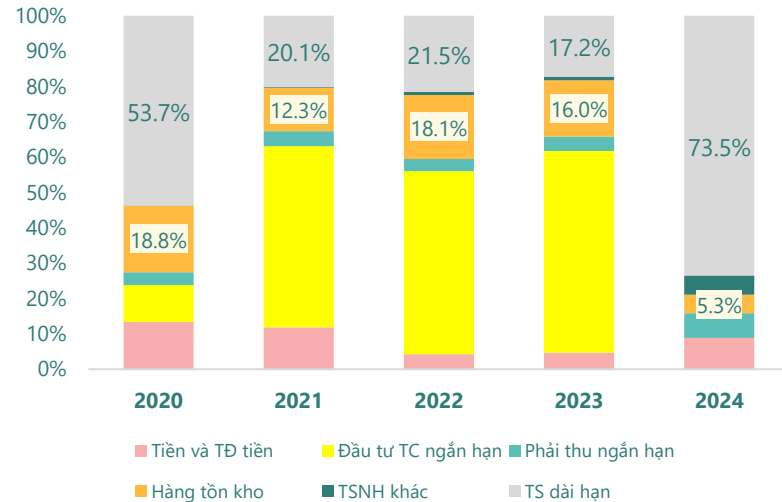
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

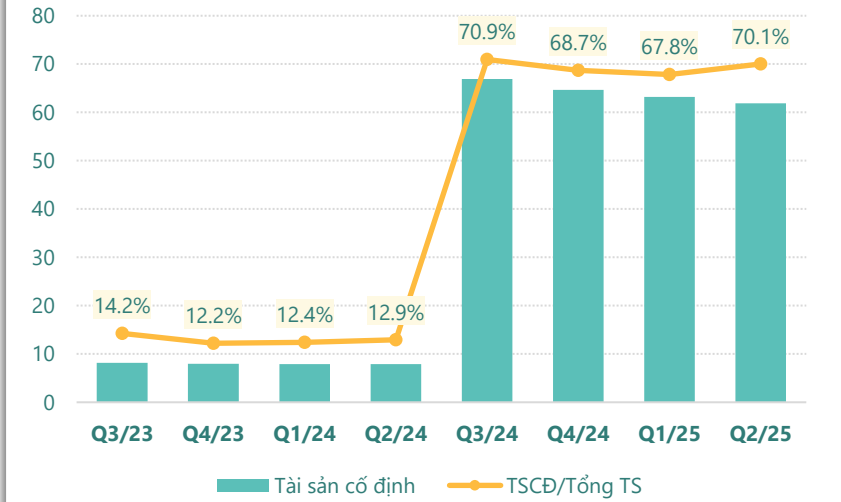
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

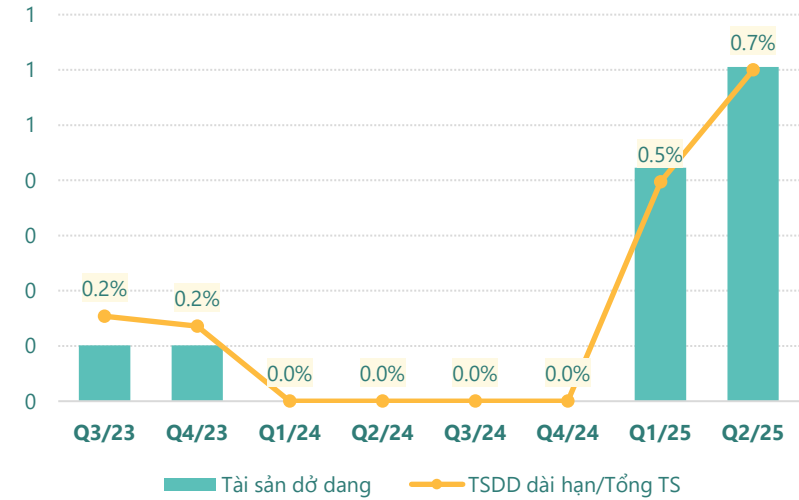
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

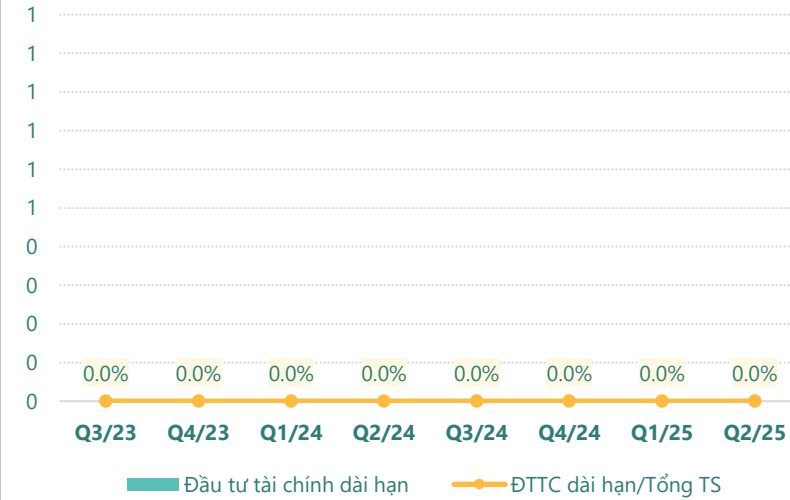
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

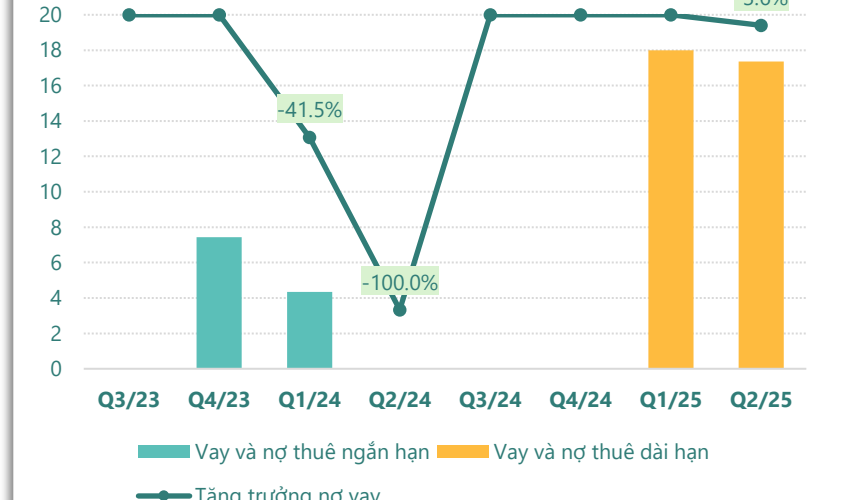
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

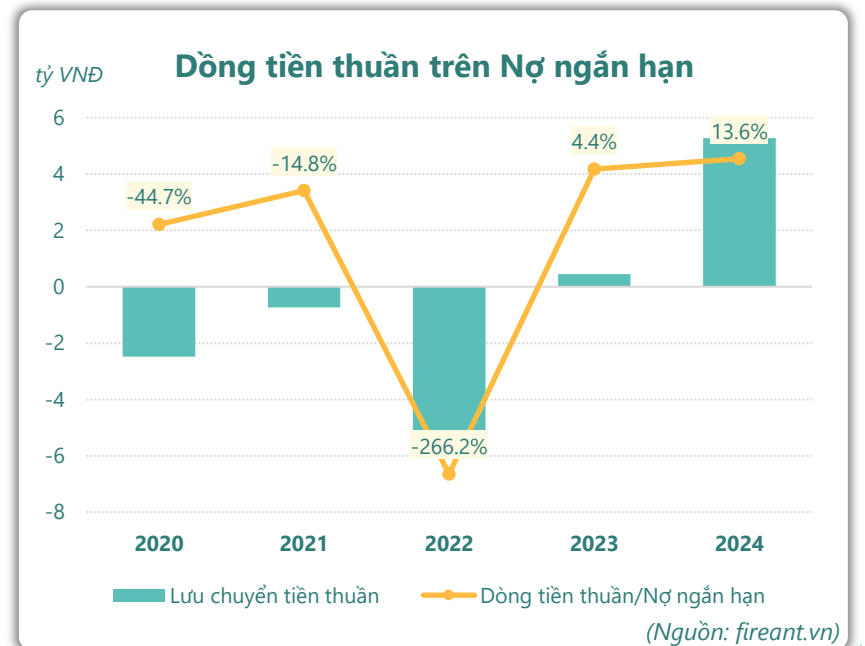
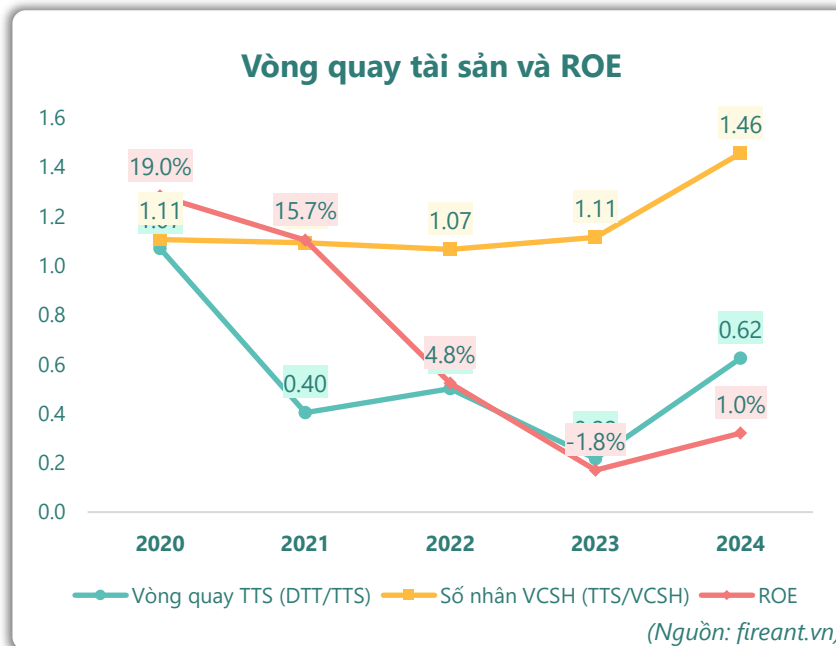
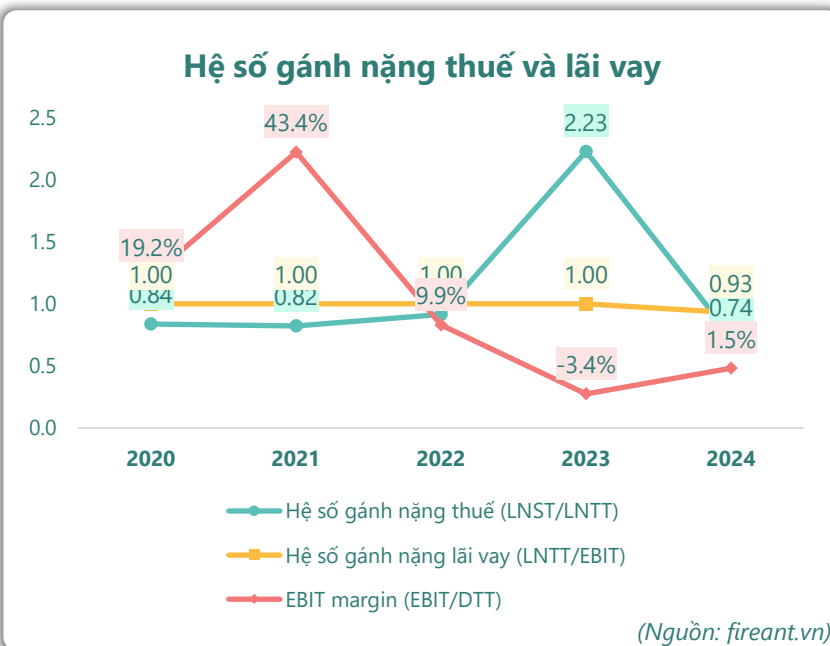
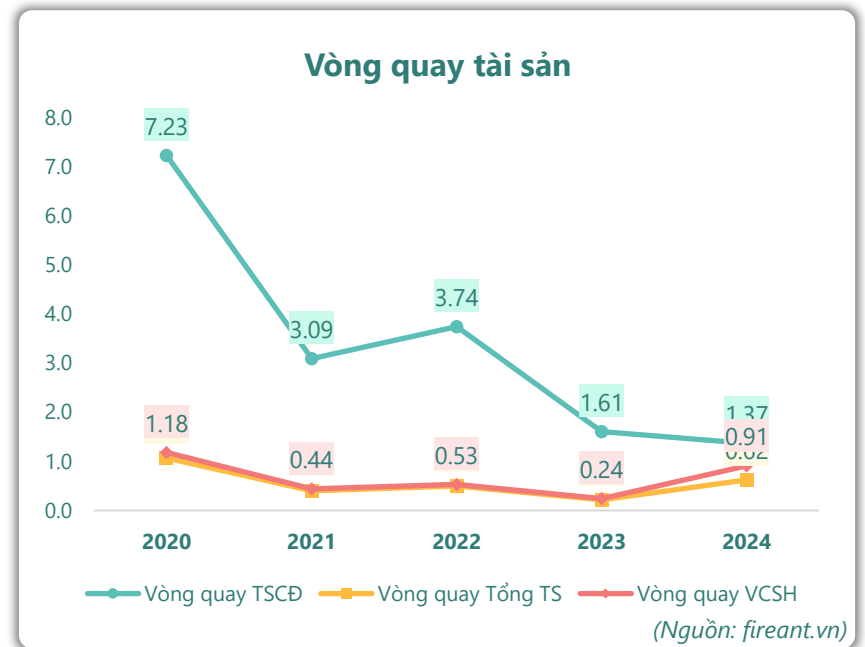
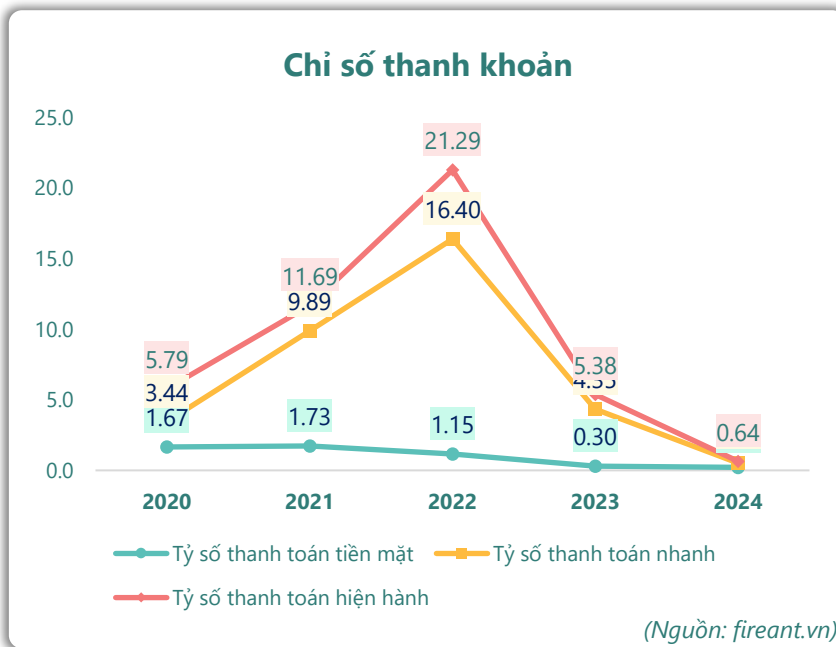
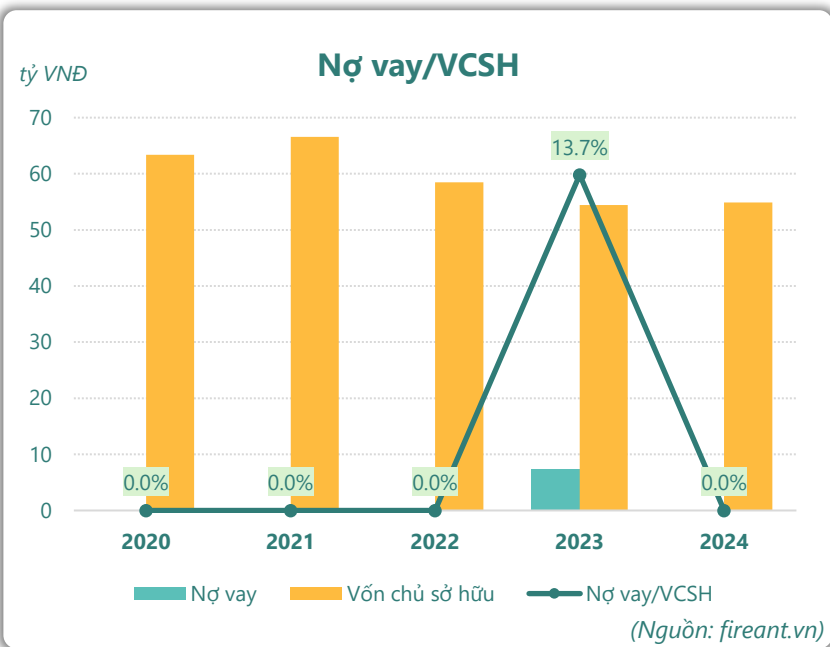
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	26.0	11.1	135%	44.7	15.2	195%
Giá vốn hàng bán	23.0	10.1	128%	40.1	12.9	211%
Lợi nhuận gộp	3.00	0.96	212%	4.57	2.26	102%
Doanh thu HĐTC	0.04	0.30	-87.3%	0.12	0.70	-82.5%
Chi phí TC	0.28	0.15	89.2%	0.28	0.60	-52.7%
Chi phí lãi vay	0.28	0.00		0.28	0.05	424%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0.32	0.29	10.6%	0.58	0.63	-7.5%
Chi phí QLDN	1.03	1.14	-9.3%	2.05	2.31	-11.2%
LN thuần từ HĐKD	1.40	-0.30	566%	1.78	-0.58	406%
Lợi nhuận khác	-0.31	0.61	-150%	-0.68	0.61	-211%
LN trước thuế	1.09	0.31	252%	1.10	0.03	3287%
Lợi nhuận sau thuế	0.87	0.21	315%	0.87	-0.16	652%
LNST của CĐ cty mẹ	0.88	0.21	317%	0.88	-0.15	684%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	2.14	9.25	-4.50	12.4	4.76	-0.98
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.02	8.65	-8.36	-6.81	-25.1	0.56
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-3.09	-4.35	0	0	18.0	-0.64
Tiền đầu kỳ	3.03	2.06	15.6	2.74	8.31	5.94
Lưu chuyển tiền thuần	-0.98	13.6	-12.9	5.57	-2.37	-1.06
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	2.06	15.6	2.74	8.31	5.94	4.87

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	88.3	94.1	-6.2%
Tài sản ngắn hạn	21.0	25.0	-15.9%
Tiền và tương đương tiền	4.87	8.31	-41.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.00	0.00	13.9%
Phải thu ngắn hạn	6.51	6.57	-1.0%
Hàng tồn kho	4.87	4.97	-1.9%
Tài sản ngắn hạn khác	4.73	5.10	-7.3%
Tài sản dài hạn	67.3	69.2	-2.6%
Phải thu dài hạn	0.47	0.47	0.0%
Tài sản cố định	61.9	64.6	-4.3%
Bất động sản đầu tư	1.16	1.18	-1.8%
Tài sản dở dang	0.61	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	3.22	2.87	12.1%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	32.6	39.2	-16.9%
Nợ ngắn hạn	14.8	38.7	-61.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	12.5	37.3	-66.4%
Nợ dài hạn	17.9	0.51	3420%
Vay và nợ thuê dài hạn	17.4	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	55.7	54.9	1.5%
Vốn chủ sở hữu	55.7	54.9	1.5%
Vốn điều lệ	30.4	30.4	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

